

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2025/DS-ST
Ngày: 01-10-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Truyền.
- Ông Nguyễn Văn Chùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Thuý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Việt Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2025/QĐST-DS, ngày 19 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê Mười C, sinh năm 1967;
- Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1986 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2023).

Địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1981 (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 11/10/2023).

Địa chỉ: Khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Võ Thị Cẩm C1, sinh năm 1981.

- Anh Lê Hoàng K, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Võ Thị Cẩm C1, anh Lê Hoàng K: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1981 (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 11/10/2023).

Địa chỉ: Khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long.

- Lê Võ Hà M, sinh năm 2011.

Người đại diện theo pháp luật của Lê Võ Hà M: Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1986.

- Anh Lê Văn Tuấn K1, sinh năm 1988.

Người đại diện theo uỷ quyền cho anh Lê Văn T1 K1: Chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1986 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2023).

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Lê Thị K2, sinh năm 1972

Địa chỉ: số B, Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Lê Minh K3, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Lê Ngọc N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Lô C, G Chung Cư N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Lê Thanh N1, sinh năm 1980

Địa chỉ: E Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên Tòa, có mặt: ông Lê Mười C, bà Huỳnh Thị Kim H, chị Lê Thị

Mỹ H1, anh Nguyễn Duy T, các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2022, nguyên đơn ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H có nội dung:

Năm 1985 ông Lê Văn C2 (cha ruột ông C) có cho ông diện tích 200m², thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 05, loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, ông Lê Mười C được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1985 ông Lê Mười C xây dựng 01 căn nhà gỗ cây tạp, máy lá, nền lót gạch tàu, gia đình ông Chính trực T2 canh tác và quản lý sử dụng. Ông C ở đến năm 1991 do nước lụt không ở được nữa, thì phía ông Lê Văn C2 có cho thêm ông C một phần đất khác tại thửa số 570, tờ bản đồ số 05, diện tích 290m², loại đất ở nông thôn, đất cùng địa chỉ trên do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình canh tác đất thì ông C có chuyển một phần đất thuộc thửa 570, tờ bản đồ số 05, diện tích 160m² diện tích còn lại 130m² thửa số 570 phần này ông C không tranh chấp.

Khi ông C di dời nhà lên ở thửa 570, thì ông vẫn trồng cây trên đất thửa 568, đến năm 2010 thì anh Lê Ngọc V (con ông Lê Văn S là anh ruột của Lê Mười C) tự ý về xây cất nhà trên thửa đất 568 ở, lúc đó ông C có ra ngăn cản nhưng phía anh V cho rằng đất này là của ông C2 (ông nội anh V) nên anh V tự xây cất nhà trên phần đất thửa 568.

Ông C, bà H yêu cầu anh Lê Ngọc V và chị Võ Thị Cẩm C1 trả lại diện tích theo trích đo 263m² thuộc thửa đất 568, tờ bản đồ 05, loại đất ở nông thôn. Địa chỉ đất: khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long. Đối với 01 căn nhà cấp 4 của anh Lê Ngọc V thì không đồng ý bồi thường giá trị. Phía anh V có nghĩa vụ di dời căn nhà đi nơi khác. Trường hợp nếu anh V có nhu cầu sử dụng đất thì trả lại giá trị đất diện tích 263m² theo kết quả định giá là 712.700.000 đồng (Bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Bị đơn anh Lê Ngọc V và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Thửa đất số 568 là của ông Lê Văn C2 là ông nội anh V, ông C2 cho cha ruột anh V là ông Lê Văn S vào năm nào anh V không nhớ rõ (vì lúc đó anh còn nhỏ), cho diện tích 230m², anh V ở trên phần đất này từ nhỏ đến nay, khi cha, mẹ anh ly thân nhau, anh V có về quê ngoại ở nhờ một thời gian. Sau đó, năm 2010 thì anh V trở về phần đất thửa 568, để xây nhà: Nhà độc lập, móng khung cột bê tông, cốt thép, tường gạch, nền láng xi măng, mái tole, có trần diện tích 6m x 15m = 90m². Lúc đó ông C không có ngăn cản và tranh chấp. Hiện nay anh V và cha của anh cũng chưa có giấy tờ hay đăng ký phần đất này. Đến năm

2022 khi anh V xây dựng nhà kiên cố lên thì ông C phát sinh tranh chấp thì anh V mới biết là ông C đã có đăng ký theo chương trình VLAp thửa 568, diện tích 200m², đất tại ấp T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Lê Ngọc V không đồng ý theo yêu cầu của ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H. Anh V đồng ý trả lại thửa đất trên cho nguyên đơn, yêu cầu trả lại giá trị nhà theo kết quả định giá là 351.062.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) thì anh giao nhà và đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Mỹ H1 thống nhất theo lời trình bày của ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H.

2. Anh Lê Văn Tuấn K1, đại diện có chị H1 thống nhất theo yêu cầu của ông C và bà H.

3. Chị Võ Thị Cẩm C1, đại diện có anh Nguyễn Duy T trình bày: Chị C1 là vợ của anh V, thống nhất theo ý kiến của anh V.

4. Anh Lê Hoàng K, đại diện có anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh K là con của anh V, thống nhất theo ý kiến của anh V.

5. Chị Lê Thị K2, Lê Minh K3, Lê Ngọc N và Lê Thanh N1 có bản khai ý kiến: Chị K2, anh K3, chị N và anh N1 là con của ông Lê Văn S, là anh và chị của anh V, thống nhất theo ý kiến của anh V1, không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt.

- *Tại phiên Tòa:*

+ Chị Lê Thị Mỹ H1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất giá trị căn nhà trên đất tranh chấp thửa 568 của anh Lê Ngọc V có giá: 313.871.000 đồng và nhà tiền chế gắn liền căn nhà cấp 4 có giá trị là 37.191.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/7/2023 và thống nhất diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất là 263m², thửa 568, tờ bản đồ số 5, loại đất ONT, ngày 16/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh V. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh V trả lại diện 263m² thửa đất 568, tờ bản đồ số 05, loại đất ở nông thôn. Địa chỉ đất: khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long. Đối với căn nhà cấp 4 và nhà tiền chế yêu cầu anh V di dời đi nơi khác, không đồng ý bồi hoàn giá trị nhà. Thống nhất giá trị đất theo giá thị trường diện tích đất 263m²/ONT có giá 2.710.000đ/1m² theo chứng thư thẩm định giá.

- Anh Nguyễn Duy T trình bày: Thống nhất giá trị căn nhà trên đất là:

313.871.000 đồng và nhà tiền chế gắn liền căn nhà cấp 4 có giá trị là 37.191.000 đồng và thống nhất diện tích đất tranh chấp là 263m², thửa 568, tờ bản đồ số 5, loại đất ONT; Đồng ý trả lại nguyên đơn thửa 568, tờ bản đồ số 5. Yêu cầu nguyên đơn trả lại giá trị tài sản trên đất: 351.062.000 đồng.

* Phát biểu của vị Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tại Tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thấy rằng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ, nội dung vụ án, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H.

Buộc Lê Ngọc V, Võ Thị Cẩm C1, Lê Hoàng K, Lê Võ Hà M giao trả quyền sử dụng thửa đất 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long cho Lê Mười C và Huỳnh Thị Kim H.

Buộc ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H hoàn trả giá trị căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng khung cột betong cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tole có trần và căn nhà tiền chế kết cấu: Mái lợp tole, nền gạch men, tường xây gạch, không trần trên thửa đất 568, tờ bản đồ 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn cho Lê Ngọc V là 351.062.000 đồng.

Ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 có kết cấu: móng khung cột betong cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tole có trần và căn nhà tiền chế kết cấu: Mái lợp tole, nền gạch men, tường xây gạch, không trần trên thửa đất 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², đất tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Về chi phí đo đạc, khảo sát, thẩm định tại chỗ: Buộc Lê Ngọc V chịu số tiền 2.641.000 đồng.

- Về án phí: Buộc ông C, bà H chịu án phí 17.553.100 đồng. Buộc anh V chịu án phí 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long thụ lý vụ án là đúng theo quy định.

[2] Xét việc vắng mặt của đương sự: Lê Thị K2, Lê Minh K3, Lê Ngọc N, Lê Thanh N1 có đơn xin vắng mặt; Lê Ngọc V, Võ Thị Cẩm C1, Lê Hoàng K, Lê Văn Tuấn K1 có người đại diện; Lê Ngọc V là người đại diện theo pháp luật cho Lê Võ Hà M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nguồn gốc thửa đất:

- Theo công văn số: 2155/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 23/04/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thông tin thửa đất 568 qua đối chiếu Tư liệu 299/TTg về hình thể, diện tích có nhiều thay đổi, nên không xác định được thông tin biến động thửa đất. Theo Sổ địa chính xã Đ, lập ngày 30/12/2005 ghi nhận ông Lê Mười C đứng tên thửa đất số 568, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m² đất tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Mặt khác, tại công văn số: 124/CNVPĐKĐĐ ngày 22/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ghi nhận thửa đất số 568 chưa thực hiện việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó có căn cứ xác định thửa đất số 568 do ông Lê Mười C đứng tên quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện cấp đổi theo chương trình Vlap. Việc anh V cho rằng nguồn gốc thửa đất số 568 do ông Lê Văn C2 tặng cho cho ông Lê Văn S, sau đó ông Sáu T3 cho anh V là không có căn cứ, anh V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thửa đất 568 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh.

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 24/7/2023 thể hiện, trên thửa đất 568 có tài sản: 01 căn nhà cấp 4 (*Kết cấu nhà trệt, độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép tường xây gạch, nền gạch men, mái tole có trần, diện tích xây dựng 6m X 15m = 90m² năm 2022*), giá trị còn lại 95% thành tiền: 313.871.000 đồng. 01 nhà tiền chế (*Mái lợp tole, nền gạch men, tường xây gạch, không trần, diện tích xây dựng 6m X 6m = 36m² năm 2022*), giá trị còn lại 95% thành tiền: 37.191.000 đồng, không còn tài sản gì khác.

- Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh V, diện tích đất tranh chấp là 263m² thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 5, loại đất ONT gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 1. Địa chỉ đất: ấp T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Xét việc anh V xây dựng nhà trên đất 568 là vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp người khác. Do đó, buộc vợ chồng anh V và chị C1 di dời các tài sản trên đất trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Tuy nhiên, việc di dời nhà trên đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến cấu trúc cũng như giá trị sử dụng của toàn bộ căn nhà. Buộc ông C và bà H hoàn trả giá trị căn nhà theo biên bản định giá là 351.062.000 đồng cho bị đơn. Anh V, chị C1 cùng các thành viên trong gia đình có trách nhiệm giao trả lại quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất thuộc thửa đất số 568, tờ bản đồ số 05, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long cho ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H.

[3] Xét yêu cầu của ông Lê Mười C, bà Huỳnh Thị Kim H là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi các nhận định trên.

Buộc anh Lê Ngọc V, chị Võ Thị Cẩm C1 giao trả quyền sử dụng thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long cho ông Lê Mười C, bà Huỳnh Thị Kim H.

Buộc ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H hoàn trả giá trị căn nhà trên đất thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn cho anh Lê Ngọc V và chị Võ Thị Cẩm C1 giá trị 351.062.000 đồng. Ông C, bà H được quyền sử dụng: 01 căn nhà cấp 4 (Kết cấu nhà trệt, độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép tường xây gạch, nền gạch men, mái tole có trần, diện tích xây dựng 6m X 15m = 90m² và 01 nhà tiền chế (Mái lợp tole, nền gạch men, tường xây gạch, không trần, diện tích xây dựng 6m X 6m = 36m² trên thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc và định giá tài sản: 2.641.000 đồng buộc nguyên đơn ông C, bà H chịu, đã nộp tạm ứng đủ.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông C, bà H chịu án phí 17.553.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0013092, ngày 26/12/2022 của Chi cục THADS thị xã B (nay là Phòng THADS khu vực 3 -

Vĩnh Long). Buộc ông C, bà H nộp tiếp tiền án phí 16.153.000 đồng. Buộc anh Lê Ngọc V nộp án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025. Khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147, 165, 192, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 165, 166 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Điều 252, Điều 256 Luật đất đai năm 2024. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H.

Buộc anh Lê Ngọc V, chị Võ Thị Cẩm C1 giao trả quyền sử dụng thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long cho ông Lê Mười C, bà Huỳnh Thị Kim H.

Buộc ông Lê Mười C và bà Huỳnh Thị Kim H hoàn trả giá trị căn nhà trên đất thửa số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn cho anh Lê Ngọc V và chị Võ Thị Cẩm C1 giá trị 351.062.000 đồng. Ông C, bà H được quyền sử dụng: 01 căn nhà cấp 4 (Kết cấu nhà trệt, độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép tường xây gạch, nền gạch men, mái tole có trần, diện tích xây dựng 6m X 15m = 90m² và 01 nhà tiền chế (Mái lợp tole, nền gạch men, tường xây gạch, không trần, diện tích xây dựng 6m X 6m = 36m² trên thửa đất số 568, tờ bản đồ số 5, diện tích 263m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại khóm T, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/10/2023)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc và định giá tài sản: 2.641.000đồng buộc nguyên đơn ông C, bà H chịu, đã nộp tạm ứng đủ.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông C, bà H chịu án phí 17.553.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0013092, ngày 26/12/2022 của Chi cục THADS thị xã B (nay là Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long). Buộc ông C, bà H nộp tiếp tiền án phí 16.153.000 đồng. Buộc anh Lê Ngọc V nộp án phí 300.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 - VL;
- Phòng THADS KV3 - VL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thiết